

KẾ HOẠCH

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN BAN DÂN TỘC GIAI ĐOẠN 2021-2025

Phần I

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN BAN GIAI ĐOẠN 2016-2020

Triển khai, thực hiện Kế hoạch số 22/KH-UBND, ngày 15/02/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa về ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016-2020. Ban Dân tộc báo cáo kết quả thực hiện ứng dụng CNTT giai đoạn 2016-2020 tại cơ quan Ban, cụ thể như sau:

I. Các văn bản chỉ đạo, điều hành

- Thực hiện Kế hoạch triển khai ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 -2020, Ban Dân tộc đã xây dựng và ban hành các văn bản chỉ đạo và điều hành, cụ thể: Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của Ban Dân tộc hàng năm; Quyết định ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc trong cơ quan Ban Dân tộc tỉnh Thanh Hóa; Quyết định Ban hành Quy chế bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan Ban Dân tộc; Ban hành Quy chế nội bộ về tổ chức cung cấp thông tin,...

- Ban chấp hành Đảng bộ Ban Dân tộc đã ban hành Nghị quyết về nâng cao ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan Ban Dân tộc đến năm 2020.

II. Hạ tầng kỹ thuật

- Số máy tính hiện nay đang hoạt động là 27 máy, trong đó: 25 máy để bàn, 02 máy tính xách tay; Có 19 máy in; 02 máy photocopy; 1 modem, 03 switch; 24 cổng;

- Tỷ lệ máy tính phục vụ công việc cần thiết cho công chức cơ quan là 100%.

- Tỷ lệ máy tính kết nối mạng LAN, mạng Internet là 100%.

- Các biện pháp an toàn, an ninh thông tin hiện tại cơ quan đang sử dụng là: chương trình diệt Virus BKAV pro, Antivirus Nod32.

III. Phát triển dữ liệu

Thực hiện Quyết định số 698/QĐ-UBND ngày 27/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án nâng cấp, bổ sung, hoàn thiện hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; hiện nay Ban Dân tộc đã triển khai xây dựng và hoàn thiện đưa vào ứng dụng tại cơ quan Ban, cụ thể như sau:

Hoàn thiện kết cấu hạ tầng thông tin tại Ban Dân tộc đáp ứng yêu cầu về thống kê công tác dân tộc trên địa bàn theo quy định tại Thông tư số 03/2015/TT-UBND ngày 15/12/2015 của Ủy ban Dân tộc về Quy định Chế độ báo cáo thống kê công tác dân tộc áp dụng đối với Cơ quan công tác dân tộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Quyết định số 02/QĐ-TTg ngày 05/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án “Điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số Việt Nam”; đồng thời triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý, điều hành, tạo lập, lưu trữ và xử lý các thông tin tổng hợp về công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh.

IV. Các ứng dụng, dịch vụ

Công tác triển khai, ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan Ban Dân tộc đến nay đã đảm bảo hoàn thành các mục tiêu đề ra theo kế hoạch ứng dụng CNTT giai đoạn 2016-2020 của Ban Dân tộc. Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, sử dụng văn bản điện tử được kết nối với các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh; 100% công chức được cấp tài khoản và hướng dẫn ứng dụng và hoạt động có hiệu quả các hệ thống phần mềm quản lý văn bản, phần mềm Theo dõi nhiệm vụ, Hộp thư công vụ, phần mềm Thống kê công tác dân tộc, phần mềm Kế toán, phần mềm Tiếp dân..

1. Hiện trạng ứng dụng, dịch vụ CNTT phục vụ hoạt động nội bộ trong hoạt động cơ quan Ban

1.1. Triển khai hệ thống quản lý văn bản và điều hành, sử dụng văn bản điện tử trong cơ quan đơn vị, đến nay Ban Dân tộc đã đạt được kết quả như sau:

- Tỷ lệ văn bản đi/đến được chuyển hoàn toàn trên môi trường mạng (hoàn toàn không dùng văn bản giấy) so với tổng số văn bản đi/đến giữa các cơ quan, đơn vị là 100%;

- Tỷ lệ văn bản đi/đến được chuyển hoàn toàn trên môi trường mạng (hoàn toàn không dùng văn bản giấy) trên tổng số văn bản đi/đến giữa đơn vị với các cơ quan bên ngoài là 100%;

- Tỷ lệ văn bản đi/đến được chuyển song song trên môi trường mạng và qua đường bưu chính so với tổng số văn bản đi/đến giữa các cơ quan, đơn vị là 100%;

- Tỷ lệ văn bản đi/đến được chuyển song song trên môi trường mạng và qua đường bưu chính so với tổng số văn bản đi/đến giữa đơn vị với các cơ quan bên ngoài là 100%; quy trình hoạt động tác nghiệp, các hình thức tiếp nhận, lưu

trữ, trao đổi, tìm kiếm, xử lý thông tin, giải quyết công việc trong các cơ quan nhà nước để nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác điều hành của lãnh đạo, các hoạt động của CBCC, VC.

1.2. Công tác chỉ đạo điều hành của các cấp lãnh đạo qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành

- 100% các văn bản chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Ban, lãnh đạo các phòng chuyên môn được thực hiện trên hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc.

- Hệ thống thông tin báo cáo công tác dân tộc được duy trì, đảm bảo các hoạt động báo cáo thông tin theo đúng quy định của Ủy ban Dân tộc.

2. Hiện trạng hoạt động ứng dụng, dịch vụ CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

Ứng dụng các phần mềm dùng chung của tỉnh như Dịch vụ công trực tuyến, Một cửa điện tử để đảm bảo thực hiện 02 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Ban Dân tộc ở mức độ 3 theo đúng quy định

V. Nguồn nhân lực

Số lượng công chức phụ trách CNTT là 01 người, trình độ đại học, được bố trí tại Văn phòng Ban.

VI. An toàn thông tin

Hiện trạng công tác bảo đảm an toàn thông tin cho ứng dụng CNTT tại cơ quan ban, cụ thể như sau:

1. Tình hình thực thi bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ

- Số lượng hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý gồm 01 hệ thống mạng Lan nội bộ.

- Số lượng hệ thống thông tin đã được phê duyệt cấp độ, phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ, hiện trạng tổ chức triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin đã được phê duyệt (có phụ lục chi tiết kèm theo về: tên hệ thống thông tin; đơn vị quản lý; cấp độ an toàn; thời gian xác định cấp độ - tháng/năm; đáp ứng/chưa đáp ứng về yêu cầu tối thiểu bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ).

- Việc hình kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin được thực hiện theo quy định:

+ Số lượng hệ thống thông tin được kiểm tra đánh giá an toàn thông tin trong giai đoạn 2016-2020 là 01 hệ thống.

+ Số lượng hệ thống thông tin được kiểm tra đánh giá an toàn thông tin định kỳ đáp ứng yêu cầu của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP và Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT là 01 hệ thống.

- Tình hình lây nhiễm và xử lý, bóc gỡ mã độc: các hệ thống máy tính luôn đảm bảo hoạt động an toàn và chưa có sự cố liên quan đến việc lây nhiễm mã độc mất an toàn thông tin.

- Số liệu ghi nhận về tấn công mạng, ứng cứu, khắc phục sự cố đến nay là chưa có.

- Việc xây dựng và triển khai các quy định, kế hoạch về ứng phó sự cố; việc tham gia hoạt động của mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của tỉnh luôn được lãnh đạo cơ quan Ban quan tâm, chỉ đạo thực hiện, cụ thể như: ban hành Quyết định Ban hành Quy chế bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan Ban Dân tộc; Quyết định V/v Ban hành Quy chế nội bộ về tổ chức cung cấp thông tin; Quyết định Về việc ban hành quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc trong cơ quan Ban Dân tộc tỉnh Thanh Hóa;..

VII. Kinh phí thực hiện

Kinh phí cho các nhiệm vụ, dự án ứng dụng CNTT tại cơ quan Ban Dân tộc giai đoạn 2016-2020, gồm: nguồn kinh phí ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước thuộc nguồn sự nghiệp văn hóa thông tin; nguồn kinh phí thực hiện đề án xây dựng chính quyền điện tử và phát triển các dịch vụ thành phố thông minh tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2017-2020.

Phần II NỘI DUNG KẾ HOẠCH

I. Căn cứ lập kế hoạch

- Luật Công nghệ thông tin; Luật Giao dịch điện tử; Luật An toàn thông tin;
- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

- Nghị quyết của Chính phủ về Chính phủ điện tử đã được ban hành theo Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015;

- Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước;

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC;

- Quyết định số 414/QĐ-TTg ngày 12/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số Việt Nam giai đoạn 2019-2025”;

- Văn bản số 1178/BTTTT-THH ngày 21/4/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Phiên bản 1.0;

- Quyết định số 3089/QĐ-UBND, ngày 22/8/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Khung kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hóa,

phiên bản 1.0;

- Kế hoạch số 163/KH-UBND, ngày 17/7/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa về triển khai thực hiện Quyết định số 414/QĐ-TTg ngày 12/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số Việt Nam giai đoạn 2019-2025”.

II. Mục tiêu tổng quát

- Ứng dụng CNTT trong hoạt động của Ban, phục vụ người dân và doanh nghiệp hiệu quả hơn, gắn kết, thúc đẩy cải cách hành chính, đẩy nhanh tiến độ xây dựng chính quyền điện tử, công sở điện tử; phát triển hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyên ngành tạo nền tảng phát triển chính quyền điện tử, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, đổi mới lề lối, phương thức làm việc của cán bộ, công chức.

- Hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin nhằm góp phần thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng dân tộc thiểu số với các địa bàn trong cả nước, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; chủ động phòng chống các tình huống gây mất an ninh, trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Phát triển hệ thống thông tin quy mô cấp cơ quan Ban góp phần xây dựng chung nền tảng phát triển Chính phủ điện tử của tỉnh Thanh Hóa; tích hợp, kết nối hệ thống thông tin, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan nhà nước; ứng dụng hiệu quả CNTT trong hoạt động cơ quan Ban nhằm tăng hiệu quả trong công tác và tiết kiệm chi phí hoạt động; duy trì, nâng cấp hạ tầng, thiết bị và các hệ thống thông tin bảo đảm an toàn thông tin mạng của cơ quan Ban.

III. Mục tiêu cụ thể

1. Mục tiêu hàng năm

- Duy trì, nâng cao chất lượng hoạt động và ứng dụng CNTT phát huy hiệu quả hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc trong cơ quan gắn với cải cách hành chính, đáp ứng kịp thời yêu cầu nhiệm vụ đặt ra trong tình hình mới.

- Duy trì hệ thống mạng nội bộ, máy tính cá nhân và các thiết bị máy móc đảm bảo hoạt động và an toàn và an ninh thông tin mạng của cơ quan.

- Đảm bảo 100% công chức được tập huấn cập nhật các ứng dụng CNTT đáp ứng phục vụ thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; 100% công chức thường xuyên sử dụng hộp thư công vụ trong công việc; 100% văn bản trình Lãnh đạo Ban phê duyệt và 100% văn bản trao đổi giữa các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện (trừ văn bản mật) dưới dạng điện tử, sử dụng chữ ký số.

- Duy trì, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trang thông tin điện tử cơ quan.

- Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và tổ chức thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 để giải quyết 02 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

2. Mục tiêu đến năm 2023

- Thiết lập hệ thống thông tin hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận chủ trương, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thông tin khoa học công nghệ; bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và an ninh trật tự. Từng bước kết nối, chia sẻ thông tin với các hệ thống thông tin của các ngành, địa phương để cung cấp thông tin kịp thời, chính xác cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Đến năm 2023, 100% người có uy tín, 90% đồng bào dân tộc thiểu số năm được chủ trương, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; 80% đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận thông tin về khoa học công nghệ và thị trường; 90% đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận thông tin, kiến thức về y tế, phòng chống dịch bệnh đặc thù; 90% đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận thông tin về pháp luật và các chính sách đặc về bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng, phòng chống thiên tai; 90% đồng bào dân tộc thiểu số nắm bắt thông tin về an ninh, trật tự để chủ động đảm bảo giữ gìn ổn định cuộc sống vùng dân tộc thiểu số.

- Tổ chức mô hình đào tạo từ xa dạy tiếng dân tộc, kiến thức về công tác dân tộc cho cán bộ, công chức, viên chức công tác tại vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn và biên giới, hải đảo; dạy nghề cho các thanh niên các dân tộc.

- Bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số: đảm bảo 80% các lễ hội, phong tục tập quán của các dân tộc thiểu số được bảo tồn dưới dạng cơ sở dữ liệu số hóa, đa phương tiện (Multi-media) và được phổ biến, giới thiệu đến với cộng đồng trong và ngoài nước.

- Triển khai, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về công tác dân tộc, bảo đảm khả năng kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận thông tin.

- Triển khai, xây dựng thư viện điện tử về công tác dân tộc

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để đồng bào dân tộc thiểu số chủ động, không bị bất ngờ trong mọi tình huống gây mất an ninh, trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

3. Mục tiêu đến hết năm 2025

Duy trì, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về công tác dân tộc và các ứng dụng hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số. Phân đấu 100% đồng bào dân tộc thiểu số nắm được chủ trương, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; được tiếp cận đầy đủ thông tin về y tế, giáo dục, khoa học công nghệ, thị trường. Hoàn thiện bộ dữ liệu về công tác dân tộc; các thông tin về lễ hội, phong tục tập quán, sản phẩm, vật phẩm tiêu biểu của các dân tộc thiểu số được phổ biến, giới thiệu đến với cộng đồng trong và ngoài nước. Triển khai, hoàn thiện thư viện điện tử về công tác dân tộc. Thúc đẩy đồng bào dân tộc ứng dụng công nghệ thông tin góp phần phát triển kinh tế xã hội, giữ vững an ninh trật tự vùng dân tộc thiểu số.

IV. Nhiệm vụ

Thực hiện, triển khai đồng bộ, toàn diện các nhiệm vụ và giải pháp đảm bảo chất lượng, hiệu quả nhằm đạt được mục tiêu của Quyết định số 414/QĐ-TTg ngày 12/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Cụ thể như sau:

1. Hoàn thiện môi trường pháp lý

Tiếp tục rà soát, tham mưu bổ sung ban hành, điều chỉnh kịp thời các văn bản về phát triển ứng dụng công nghệ thông tin tại Ban; Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ngành trong tỉnh rà soát, đề nghị bổ sung các văn bản pháp luật theo quy định để hoàn thiện cơ sở pháp lý và đẩy mạnh ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh.

2. Phát triển hạ tầng kỹ thuật

- Đầu tư, bổ sung, thay thế, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật (máy chủ, máy trạm, mạng máy tính, hệ thống bảo mật, an ninh mạng, phần mềm bản quyền...) bảo đảm ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan.

- Tiếp tục triển khai, sử dụng chữ ký số cá nhân trong giải quyết hồ sơ công việc, TTHC vào hoạt động ứng dụng CNTT của cơ quan (đảm bảo 100% văn bản phát hành được ký số).

- Triển khai sử dụng phòng họp không giấy để từ rút ngắn thời gian và chi phí in ấn tài liệu.

- Phối hợp với các đơn vị chuyên trách về an toàn thông tin để đảm bảo an toàn an ninh thông tin cho hệ thống công nghệ thông tin của cơ quan Ban.

3. Phát triển dữ liệu

- Áp dụng, cập nhật cơ sở dữ liệu các phần mềm chuyên ngành phục vụ công tác chuyên môn nghiệp vụ.

- Phát triển các ứng dụng, dịch vụ đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận thông tin, chú trọng các lĩnh vực kinh tế - xã hội và quốc phòng an ninh.

- Nâng cấp, duy trì, đảm bảo Trang thông tin điện tử Ban Dân tộc cung cấp đầy đủ thông tin theo Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/06/2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên Trang thông tin điện tử; kết nối Trang thông tin điện tử của Ban với Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh và các sở, ngành;

- Triển khai ứng dụng CNTT hiệu quả, toàn diện, bảo đảm khả năng kết nối hệ thống thông tin tại bộ phận một cửa với cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước, tạo điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp qua mạng Internet, bảo đảm tính liên thông giữa các đơn vị trong quy trình xử lý thủ tục hành chính.

- Rà soát cập nhật đầy đủ kịp thời danh mục thủ tục hành chính; phối hợp với Bưu điện tỉnh triển khai tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính 9 qua dịch vụ bưu chính công ích; cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 cho người dân và doanh nghiệp .

4. Bảo đảm an toàn thông tin

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 20/01/2020 của UBND tỉnh Thanh hóa về thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 25/7/2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược an ninh mạng quốc gia.

- Công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin luôn được trú trọng; xây dựng các hệ thống giám sát, sao lưu dữ liệu... đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho các hệ thống thông tin được giao quản lý.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và trang bị kỹ năng cơ bản về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan.

- Cập nhật quy chế, quy định về bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của Sở; hoàn thành và áp dụng hệ thống quản lý an toàn thông tin mạng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật vào hoạt động của cơ quan. - Rà soát, cập nhật, trình phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- Tăng cường đầu tư trang thiết bị và thuê dịch vụ nhằm nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin, phòng chống mã độc theo mô hình tập trung, ưu tiên cho các hệ thống cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Định kỳ, đột xuất thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch dự phòng, sao lưu dữ liệu, bảo đảm hoạt động liên tục của cơ quan, đơn vị; sẵn sàng khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống sau khi gặp sự cố mất an toàn thông tin mạng.

- Định kỳ hàng năm tổ chức đào tạo hoc cử cán bộ phụ trách về an toàn thông tin/công nghệ thông tin tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin.

V. Giải pháp

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng về ứng dụng CNTT nhằm tạo chuyển biến mạnh mẽ từ nhận thức thành hành động trong cán bộ, công chức; tạo phong cách làm việc dựa trên văn bản, tài liệu điện tử trên môi trường mạng.

- Chuẩn hoá các quy trình nghiệp vụ trong các lĩnh vực hoạt động quản lý nhà nước do Ban quản lý. Ban hành các quy định về cung cấp, trao đổi, thu thập thông tin trong cơ quan Ban.

- Phát huy mạnh mẽ hơn nữa sự tham gia trực tiếp của Lãnh đạo Ban, vai trò của Trưởng phòng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ban trong việc đưa ứng dụng CNTT vào phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2025 theo Quyết định số 1118/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 và Kế hoạch 210/KH-UBND ngày 11/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về ứng dụng các công nghệ mới của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, phục vụ xây dựng kinh tế-xã hội tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2020-2025.

- Tuyên truyền, tập huấn, hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận thông tin, góp phần thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng dân tộc thiểu số với các địa bàn trong tỉnh và cả nước, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

2. Phát triển mô hình kết hợp giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp

- Duy trì hiệu quả hoạt động của trang thông tin điện tử Ban. Đảm bảo số lượng tin, bài cập nhật hằng tháng trên cổng thông tin của Ban theo đúng theo quy định; trả lời đầy đủ các câu hỏi hợp lệ trên Chuyên mục Hỏi - Đáp.

- Duy trì sử dụng hiệu quả Cổng dịch vụ công và hệ thống thông tin một cửa điện tử phục vụ quản lý, điều hành và phục vụ nhu cầu của người dân, doanh nghiệp. Thường xuyên cập nhật thông tin, quy trình về dịch vụ công trực tuyến của Ban trên Cổng dịch vụ công và hệ thống thông tin một cửa điện tử.

- Tiếp tục triển khai phần mềm một cửa điện tử, một cửa điện tử liên thông; triển khai dịch vụ hành chính công ở mức độ cao, liên thông, tích hợp với các phần mềm chuyên ngành.

- Phối hợp với Bưu điện tỉnh triển khai tiếp nhận thủ tục hành chính và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích.

3. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

- Cập nhật, kịp thời phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về công nghệ thông tin của Chính phủ, của UBND tỉnh và Ủy ban Dân tộc. Xây dựng hành lang pháp lý để gắn việc cải cách hành chính với ứng dụng công nghệ thông tin.

- Xây dựng các quy chế, quy định trong việc quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng các phần mềm chuyên ngành.

- Thực hiện chuẩn hoá quy trình nghiệp vụ; ban hành các văn bản, quy chế về việc xây dựng, quản lý, vận hành, cập nhật, khai thác và sử dụng các cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành; ban hành các quy định và tiêu chuẩn cụ thể về việc sử dụng CNTT đối với cán bộ, công chức, viên chức.

4. Thu hút nguồn lực CNTT

Thu hút mọi nguồn lực cho ứng dụng CNTT; kết hợp đầu tư mới với việc chuyển giao công nghệ; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm các hệ thống CNTT làm nền tảng; Đảm bảo nguồn kinh phí ứng dụng CNTT trong kế hoạch ngân sách hàng năm của cơ quan nhà nước. Ưu tiên bố trí vốn đầu tư phát triển cho các chương trình, dự án về ứng dụng và phát triển CNTT. Bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp cho sự nghiệp CNTT.

5. Tăng cường hợp tác quốc tế

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình phối hợp thúc đẩy gắn kết ứng dụng CNTT với cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025.
- Thực hiện chuẩn hóa quy trình, thủ tục hành chính; áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

VI. Lộ trình thực hiện

1. Năm 2021-2022:

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình phối hợp thúc đẩy gắn kết ứng dụng CNTT với cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025.
- Ứng dụng công nghệ thông tin góp phần thực hiện giải quyết các quy trình, thủ tục hành chính; áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015
- Đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin của Ban, an toàn, bảo mật thông tin phục vụ hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành của Ban (năm 2021 và các năm tiếp theo).
- 100% văn bản gửi, nhận (trừ văn bản mật) trên phần mềm Quản lý văn bản và điều hành sử dụng ký số cơ quan; Cổng dịch vụ công và hệ thống thông tin một cửa điện tử được sử dụng chữ ký số của cơ quan và chữ ký số của cá nhân
- Rút ngắn từ 50% - 80% thời gian họp, giảm tối đa việc sử dụng tài liệu giấy thông qua Hệ thống phòng họp không giấy tờ giữa các phòng, đơn vị, Sở, ban, ngành, huyện, thị, thành phố.
- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của Ban đạt từ 100% trở lên.
- Đảm bảo Trang thông tin điện tử Ban Dân tộc cung cấp đầy đủ thông tin theo Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/06/2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên Trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan nhà nước; kết nối Trang thông tin điện tử của Ban với Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh và các sở, ngành (năm 2021 và các năm tiếp theo).

- Cập nhật thông tin dữ liệu thống kê công tác dân tộc và duy trì các ứng dụng CNTT phục vụ truy xuất, chia sẻ, trao đổi dữ liệu giữa các hệ thống thông tin liên quan đến công tác dân tộc.

- Đào tạo, tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về việc ứng dụng công nghệ thông tin cho đồng bào dân tộc thiểu số và cán bộ làm công tác dân tộc; Tuyên truyền, tập huấn, hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số tìm kiếm, sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin và dịch vụ công trực tuyến mức 3, mức 4 do các cơ quan nhà nước cung cấp; phối hợp tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.

- Xây dựng Bộ từ điển tiếng dân tộc và thực hiện đào tạo dạy tiếng dân tộc từ xa cho cán bộ, công chức, viên chức công tác tại vùng DTTS, vùng sâu, vùng xa, vùng ĐBKK và biên giới, hải đảo.

2. Năm 2023-2025:

- Đào tạo, tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về việc ứng dụng công nghệ thông tin cho đồng bào dân tộc thiểu số và cán bộ làm công tác dân tộc; Tuyên truyền, tập huấn, hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số tìm kiếm, sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin và dịch vụ công trực tuyến mức 3, mức 4 do các cơ quan nhà nước cung cấp; phối hợp tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.

- Nâng cấp nền tảng công nghệ thông tin phục vụ việc quản lý nhà nước về công tác dân tộc từ tỉnh đến địa phương.

VII. Kinh phí thực hiện

Ngân sách Trung ương; ngân sách tỉnh và nguồn chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển được cân đối hàng năm cho các sở, ngành, địa phương; kinh phí tự cân đối và huy động hợp pháp khác của các đơn vị thuộc đối tượng tham gia Đề án.

VIII. Tổ chức thực hiện

1. Văn phòng Ban

- Chủ trì tổ chức, phối hợp với các phòng, đơn vị trong cơ quan triển khai thực hiện có hiệu quả các Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, thẩm định kỹ thuật và đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch; đề xuất các giải pháp cụ thể để giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, trình lãnh đạo Ban phê duyệt, chỉ đạo thực hiện.

- Tăng cường vai trò tham mưu, quản lý nhà nước về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của lĩnh vực công tác dân tộc. Hỗ trợ người sử dụng trong các ứng dụng CNTT phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

- Quản lý, vận hành Trang thông tin điện tử của Ban Dân tộc đảm bảo an toàn thông tin.

- Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện. Kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc để xem xét, tháo gỡ.

2. Các phòng, đơn vị thuộc Ban

- Phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Ban trong việc triển khai Kế hoạch này. Tăng cường ứng dụng CNTT trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của phòng, đơn vị đạt hiệu quả cao. Cập nhật đầy đủ, chính xác thông tin về hoạt động, chuyên môn nghiệp vụ trên Trang thông tin điện tử của Ban.

- Thực hiện rà soát, công bố thủ tục hành chính mới, bổ sung, bãi bỏ thuộc lĩnh vực quản lý, giải quyết theo quy định.

IX. Danh mục nhiệm vụ, dự án

Danh mục nhiệm vụ, dự án tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này./.

Nơi nhận:

- Sở Thông tin và Truyền thông (để b/c);
- Lãnh đạo Ban (để b/c);
- Các phòng chuyên môn thuộc Ban;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG BAN

Mai Xuân Bình